

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2017

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

* Mã trường: HVN

* Địa chỉ: Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

* Điện thoại: 0462617520; Fax: 0438276554

* Website: www.vnua.edu.vn; Email: quangtu@vnua.edu.vn

1. Đối tượng tuyển sinh là những người đã tốt nghiệp: Trung học phổ thông; Bổ túc văn hóa trung học; Trung học chuyên nghiệp; Cao đẳng; Cao đẳng nghề (Trường hợp người tốt nghiệp cao đẳng nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước;

3. Phương thức tuyển sinh: Căn cứ kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2017 để xét tuyển.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành đào tạo (theo bảng tại mục 6 dưới đây).

5. Điều kiện nhận ĐKXT: Các ngành đào tạo đều có ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) và sẽ thông báo cụ thể sau khi có kết quả thi THPT quốc gia năm 2017;

6. Thông tin về ngành đào tạo/ chỉ tiêu/ tổ hợp môn xét tuyển

TT	Ngành, chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Bảo vệ thực vật	D620112	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	150
2	+ Chăn nuôi (gồm các chuyên ngành: Chăn nuôi – Thú y, Dinh dưỡng và công nghệ thức ăn chăn nuôi, Khoa học vật nuôi). + Chăn nuôi - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (chuyên ngành Chăn nuôi – Thú y).	D620105	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	500
3	Công thôn (Công trình, công nghiệp nông thôn) (gồm các chuyên ngành: Công trình, Kỹ thuật hạ tầng cơ sở).	D510210	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Toán, Vật lí, Ngữ văn.	30
4	Công nghệ rau - hoa - quả và cảnh quan (gồm các chuyên ngành: Sản xuất và quản lý sản xuất rau hoa quả trong nhà có mái che, thiết kế và tạo dựng cảnh quan, Marketing và thương mại, Nông nghiệp đô thị).	D620113	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	100
5	Công nghệ sau thu hoạch	D540104	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	120
6	+ Công nghệ sinh học (gồm các chuyên ngành: Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh học chất lượng cao). + Công nghệ sinh học - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (chuyên ngành Nấm ăn và Nấm dược liệu).	D420201	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Sinh học, Tiếng Anh.	320

7	+ Công nghệ thông tin (gồm các chuyên ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin). + Công nghệ thông tin - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (gồm các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và Web, Toán tin ứng dụng). Từ năm 2017 thời gian đào tạo của ngành Công nghệ thông tin là 4 năm.	D480201	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Toán, Vật lí, Ngữ văn.	180
8	Công nghệ thực phẩm (gồm các chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm, Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm).	D540101	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	320
9	+ Kế toán (gồm các chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán). + Kế toán - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (gồm các chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán)..	D340301	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Toán, Vật lí, Ngữ văn.	400
10	Khoa học cây trồng (gồm các chuyên ngành: Khoa học cây trồng, Chọn giống cây trồng, Khoa học cây dược liệu, Khoa học cây trồng theo chương trình tiên tiến).	D620110	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	360
11	Khoa học đất (gồm các chuyên ngành: Khoa học đất, Nông hóa - thổ nhưỡng).	D440306	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	30
12	Khoa học môi trường	D440301	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	320
13	Kinh doanh nông nghiệp (gồm kinh doanh nông sản thực phẩm, thuốc thú y, vật tư nông nghiệp, thức ăn gia súc ...)	D620114	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	30
14	Kinh tế (gồm các chuyên ngành: Kinh tế, Kinh tế phát triển, Kinh tế đầu tư, Kinh tế - Tài chính chất lượng cao, Kế hoạch và đầu tư, Quản lý kinh tế).	D310101	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	400
15	Kinh tế nông nghiệp (gồm các chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao, Kinh tế và quản lý tài nguyên môi trường)	D620115	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	230
16	+ Kỹ thuật cơ khí (gồm các chuyên ngành: Cơ khí nông nghiệp, Cơ khí động lực, Cơ khí chế tạo máy, Cơ khí thực phẩm). + Kỹ thuật cơ khí - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (gồm các chuyên ngành: Công nghệ và Thiết bị thực phẩm, Máy và Thiết bị thực phẩm).	D520103	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Toán, Vật lí, Ngữ văn.	140
17	Kỹ thuật điện, điện tử (gồm các chuyên ngành: Hệ thống điện, Tự động hóa).	D520201	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Toán, Vật lí, Ngữ văn.	200

18	Kỹ thuật tài nguyên nước	D580212	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	30
19	Ngôn ngữ Anh	D220201	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Hóa học, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Tiếng Anh.	50
20	Nông nghiệp - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (gồm các chuyên ngành: Nông học, khuyến nông, Nông nghiệp công nghệ cao).	D620101	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	100
21	Nuôi trồng thủy sản (gồm các chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản).	D620301	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	100
22	+ Phát triển nông thôn + Phát triển nông thôn - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) (gồm các chuyên ngành: Công tác xã hội trong phát triển nông thôn; Quản lý phát triển nông thôn; Tổ chức sản xuất, dịch vụ phát triển nông thôn và khuyến nông).	D620116	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	130
23	Quản lý đất đai (gồm các chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản).	D850103	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	300
24	Quản trị kinh doanh (gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị marketing, Quản trị tài chính, Quản trị kinh doanh nông nghiệp theo chương trình tiên tiến).	D340101	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	280
25	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE).	D140215	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	30
26	Thú y	D640101	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Toán, Sinh học, Hóa học. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	850
27	Xã hội học	D310301	Toán, Vật lí, Hóa học. Toán, Vật lí, Tiếng Anh. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí. Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh.	100

- Điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo.

- Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển là 0 (không).

- Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng là 1,0 điểm và giữa các khu vực kế tiếp là 0,5 điểm.

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

+ Điều kiện phụ thứ nhất: Nếu chỉ tiêu tuyển sinh có hạn trong khi có nhiều thí sinh cùng có tổng số điểm bằng nhau thì ưu tiên cho thí sinh có điểm môn Toán cao hơn (riêng ngành Xã hội học có xét tuyển khối C00 thì lấy điểm môn Ngữ văn thay cho điểm môn Toán).

+ Điều kiện phụ thứ hai: Nếu điều kiện phụ thứ nhất đã sử dụng nhưng vẫn quá chỉ tiêu cần tuyển thì ưu tiên cho thí sinh có nguyện vọng cao hơn (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT theo kế hoạch và hướng dẫn chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau khi có kết quả thi kỳ thi THPT quốc gia, Học viện sẽ có thông báo cụ thể).

8. Chính sách ưu tiên: Tuyển thẳng; Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Lệ phí xét tuyển: theo Quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Đơn vị tính: 1000 đ/tháng/sinh viên

Năm học	2016 - 2017	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021
Ngành					
Nông, Lâm, Thủy sản	730 (14,1)	840 (15,1)	980 (16,7)	1160 (18,4)	1390 (19,8)
Khoa học xã hội (Kinh tế, Quản lý, Kế toán, Quản trị kinh doanh, ...)	745 (16,4)	865 (16,1)	1020 (17,9)	1220 (19,6)	1480 (21,3)
Công nghệ (Công nghệ sinh học, Công nghệ thực phẩm, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật điện, ...)	880 (16,4)	1030 (17,0)	1220 (18,4)	1470 (20,5)	1800 (22,4)
Thú y	1082 (16,4)	1280 (18,3)	1530 (19,5)	1860 (21,6)	2290 (23,1)

Ghi chú: Số liệu ghi trong ngoặc là mức tăng học phí so với năm học trước (%)

Năm học được tính 10 tháng

Dự kiến ngành Nông, Lâm, thủy sản được hỗ trợ học phí từ năm 2018-2021

11. Các nội dung khác:

- Căn cứ điểm trúng tuyển và tổ hợp các môn xét tuyển vào từng ngành, Học viện xét tuyển trong số Sinh viên mới nhập học để đào tạo theo chương trình tiên tiến và chương trình chất lượng cao như sau: 1 lớp Khoa học cây trồng tiên tiến 60 sinh viên; 1 lớp Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến 60 Sinh viên; 1 lớp Công nghệ sinh học chất lượng cao 60 Sinh viên, 1 lớp Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao 50 Sinh viên, 1 lớp Kinh tế - Tài chính chất lượng cao 50 sinh viên.

- Sau 1 năm học tập, các Sinh viên học theo chương trình tiên tiến hoặc chất lượng cao, nếu không đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh thì Sinh viên được chuyển về ngành khi mới nhập học.

- Đối với các ngành có đào tạo theo chuyên ngành, Học viện căn cứ vào kết quả thi học kỳ 1 của các Sinh viên trong cùng ngành đào tạo để xét tuyển vào các chuyên ngành.

- Đối tượng xét tuyển vào đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) là Sinh viên mới nhập học của ngành tương ứng không POHE. Chỉ tiêu tuyển vào đào tạo theo POHE (mỗi ngành từ 25 đến 70 sinh viên) nằm trong chỉ tiêu chung của ngành đó .